



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế



Accountants &  
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và  
kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và  
kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 33

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 16 số 4000386181 ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

### **2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Bà Phạm Thị Minh Phương	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Trần Quang Thái	Thành viên (Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Đinh Ngọc Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết số 28/NQ-DHCD/VHG ngày 22/7/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty được tổ chức ngày 22/7/2020 đã thông qua việc thay đổi tên Công ty và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-DHCD/VHG ngày 22/7/2020. Theo đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty trước thay đổi là Ông Vũ Anh Tuấn - Chức danh Tổng Giám đốc; Người đại diện theo pháp luật của Công ty sau thay đổi là Ông Vũ Anh Tuấn - Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/6/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 của Tập đoàn.

**6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 33, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30/6/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam



Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Số: 023/2020/BCSXHN-HT.00075

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 11/8/2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Tập đoàn ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả (Mã số 341) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2020 và ngày 01/01/2020 số tiền 15.067.727.917 đồng (đây là số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn của khoản khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng công nghệ cao Thái Sơn). Theo xác định của Kiểm toán viên, chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đã trích lập của khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Sản xuất ứng dụng công nghệ cao Thái Sơn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không được xác định là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, do đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ khi hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn này không được ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả.

Nếu điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trên, chỉ tiêu Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả (Mã số 341) tại ngày 30/6/2020 và ngày 01/01/2020 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giảm 15.067.727.917 đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (Mã số 421a) sẽ tăng tương ứng.

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

- Ngày 01/8/2019 Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam (Công ty con) đã bàn giao phần diện tích đất bị thu hồi thuộc Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang (diện tích thu hồi: 327,66 ha tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam) và nộp lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng cho Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Nam theo quyết định thu hồi đất số 3368/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Quảng Nam ngày 08/11/2018. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa đánh giá tổn thất của tài sản trên phần diện tích đất bị thu hồi để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh. Với các tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan cũng như ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó chúng tôi không thể đưa ra kết luận về vấn đề này.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30/6/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 4.1 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.287.078.608.203 đồng, chiếm 85,81% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 30/6/2020 Công ty mẹ có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền 478.347.642 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mẹ mở tại các ngân hàng (xem tại Thuyết minh số 5.12 của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

**Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2020

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>70.603.502.051</b>	<b>71.436.138.167</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>77.870.567</b>	<b>67.273.973</b>
Tiền	111		77.870.567	67.273.973
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	350.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(296.000.000)	(296.000.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>67.004.694.092</b>	<b>67.878.710.896</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	137.912.649.442	140.507.627.971
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.109.564.951	10.270.581.755
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	670.118.333	733.118.333
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(81.687.638.634)	(83.632.617.163)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		8.910.019.214	8.910.019.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.466.937.392</b>	<b>3.436.153.298</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		603.874.907	573.090.813
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	2.863.062.485	2.863.062.485
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>252.772.699.520</b>	<b>257.483.316.995</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>67.360.544.998</b>	<b>69.804.784.224</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	67.360.544.998	69.804.784.224
- Nguyên giá	222		98.859.358.315	98.859.358.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.498.813.317)	(29.054.574.091)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(675.311.099)	(675.311.099)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>57.852.851.433</b>	<b>57.374.503.791</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	57.852.851.433	57.374.503.791
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>119.162.298.048</b>	<b>121.764.154.666</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		119.162.298.048	121.764.154.666
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.397.005.041</b>	<b>8.539.874.314</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	8.397.005.041	8.539.874.314
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>323.376.201.571</b>	<b>328.919.455.162</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>46.070.531.555</b>	<b>44.857.567.068</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.456.316.210</b>	<b>6.629.608.379</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.913.297.348	1.902.247.348
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		163.239.206	163.239.206
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	478.347.642	-
Phải trả người lao động	314		8.040.311	84.262.767
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	3.946.346.037	3.532.813.392
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.045.666	947.045.666
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>38.614.215.345</b>	<b>38.227.958.689</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.14	38.614.215.345	38.227.958.689
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>277.305.670.016</b>	<b>284.061.888.094</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.15	<b>277.305.670.016</b>	<b>284.061.888.094</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		26.169.114.884	26.169.114.884
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.287.078.608.203)	(1.284.548.747.761)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.281.073.444.733)	(1.273.890.206.025)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.005.163.470)	(10.658.541.736)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.215.163.335	42.441.520.971
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>323.376.201.571</b>	<b>328.919.455.162</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh  
Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2020 và  
kết thúc ngày 30/6/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	-	<b>6.744.779.636</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		-	-
Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	6.677.999.640
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		-	<b>66.779.996</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.208	47.726
Chi phí tài chính	22	6.4	-	1.027.522.868
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	301.787.675
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.601.856.618)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.768.113.412	3.517.977.088
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(6.369.957.822)</b>	<b>(4.478.672.234)</b>
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		3.600	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.600)	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(6.369.961.422)</b>	<b>(4.478.672.234)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	386.256.655	584.996.322
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(6.756.218.077)</b>	<b>(5.063.668.556)</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(6.005.163.470)	(5.023.129.963)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(751.054.607)	(40.538.593)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(40)	(33)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		(40)	(33)

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HẠNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẠNH

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



VŨ ANH TUẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(6.369.961.422)	(4.478.672.234)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.444.239.226	2.721.689.254
Các khoản dự phòng	03		(1.944.978.529)	(34.454.839.385)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.601.844.410	35.180.503.359
Chi phí lãi vay	06		-	301.787.675
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(3.268.856.315)</b>	<b>(729.531.331)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		2.788.211.239	1.303.352.746
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		348.360.189	(583.073.872)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		142.869.273	173.371.778
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.584.386</b>	<b>164.119.321</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	(167.119.548)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.208	7.413
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>12.208</b>	<b>(167.112.135)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh  
Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2020 và  
kết thúc ngày 30/6/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>10.596.594</b>	<b>(2.992.814)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>67.273.973</b>	<b>720.385.448</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>77.870.567</b>	<b>717.392.634</b>

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

*Handwritten signature of Nguyễn Thị Hạnh*

*Handwritten signature of Nguyễn Thị Hạnh*



**NGUYỄN THỊ HẠNH**

**NGUYỄN THỊ HẠNH**

**VŨ ANH TUẤN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 16 số 4000386181 ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ.

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc tập đoàn**

a) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 01/01/2020: 01 công ty con)

- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%

c) Các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49%	49%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và số liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.1 Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30/6/2020 Tập đoàn đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.287.078.608.203 đồng, chiếm 85,81% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 30/6/2020 Công ty mẹ có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 478.347.642 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mẹ mở tại các ngân hàng (xem tại Thuyết minh số 5.12 của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã xây dựng kế hoạch dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai thông qua các hoạt động tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trên cơ sở hoạt động liên tục hoàn toàn phù hợp.

Vì vậy, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Tập đoàn không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên.

**4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.5 Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình*****Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Tài sản cố định khác	20 năm

**4.9 Tài sản cố định vô hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết và hiện đang sử dụng.

**4.10 Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**4.11 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.12 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn cổ phần** được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.15 Doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thu nhập từ tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.16 Chi phí**

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

**4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4.19 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

**Đối tượng****Quan hệ**Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởngCông ty liên kết  
Thành viên chủ chốt**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	935.990	13.593.796
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.934.577	53.680.177
<b>Cộng</b>	<b>77.870.567</b>	<b>67.273.973</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
+ Công ty CP Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long	616.500.601	616.500.601
+ Chi nhánh Công ty CP DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	464.032.000	464.032.000
+ Trịnh Văn Hà	1.525.710.896	1.525.710.896
+ Phạm Văn Minh	63.750.000.000	63.750.000.000
+ Đặng Thúy Hoan	800.000.000	800.000.000
+ Đỗ Thị Bé	56.800.000.000	56.800.000.000
+ Bà Vi Thị Yến	7.480.000.000	7.480.000.000
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	6.476.405.945	9.071.384.474
<b>Cộng</b>	<b>137.912.649.442</b>	<b>140.507.627.971</b>
	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.4. Phải thu khác**

	<b>30/6/2020</b>		<b>01/01/2020</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Các khoản phải thu khác	665.618.333	(665.618.333)	665.618.333	(665.618.333)
- Công ty CP Điện tử - Viễn thông	665.618.333	(665.618.333)	665.618.333	(665.618.333)
Tin học Bưu Điện				
- Các nhà cung cấp khác	-	-	-	-
Tạm ứng	4.500.000	-	67.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>670.118.333</b>	<b>(665.618.333)</b>	<b>733.118.333</b>	<b>(665.618.333)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.5. Nợ xấu**

Thời hạn nợ	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Công nợ phải thu khách hàng</b>	<b>137.362.649.442</b>	<b>66.605.710.896</b>	<b>75.789.794.972</b>	<b>2.272.877.897</b>
Nợ quá hạn trên 3 năm	70.756.938.546	-	73.196.702.645	-
Nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	-	517.381.431	362.167.001
Nợ quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	1.525.710.896	1.525.710.896	-	-
Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	56.800.000.000	56.800.000.000	550.000.000	385.000.000
Nợ dưới 6 tháng	8.280.000.000	8.280.000.000	1.525.710.896	1.525.710.896
<b>Ứng trước cho người bán</b>	<b>10.100.081.755</b>	<b>-</b>	<b>11.468.697.355</b>	<b>2.018.615.600</b>
Nợ quá hạn trên 3 năm	10.100.081.755	-	8.800.081.755	-
Nợ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	-	1.300.000.000	650.000.000
Nợ dưới 6 tháng	-	-	1.368.615.600	1.368.615.600
<b>Phải thu khác</b>	<b>665.618.333</b>	<b>-</b>	<b>7.514.262.722</b>	<b>6.848.644.389</b>
Nợ quá hạn trên 3 năm	665.618.333	-	665.618.333	-
Nợ dưới 6 tháng	-	-	6.848.644.389	6.848.644.389
<b>Cộng</b>	<b>148.128.349.530</b>	<b>66.605.710.896</b>	<b>94.772.755.049</b>	<b>11.140.137.886</b>

(\*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>
	VND
Số dư 01/01/2020	(83.632.617.163)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(650.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	2.594.978.529
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>(81.687.638.634)</b>

**5.6. Hàng tồn kho**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí SXKDDD	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)
<b>Cộng</b>	<b>8.910.019.214</b>	<b>(8.910.019.214)</b>	<b>8.910.019.214</b>	<b>(8.910.019.214)</b>

**5.7. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	57.852.851.433	57.374.503.791
<b>Cộng</b>	<b>57.852.851.433</b>	<b>57.374.503.791</b>

Dự án Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam đã được UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 3 số 8120572766 ngày 06/5/2016 (Thay thế: Giấy chứng nhận đầu tư số 49/CN-UBND ngày 03/10/2008; Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 1 số 38/CN-UBND ngày 14/7/2011, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 2 số 90/CN-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)  
Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2020	98.097.479.064	608.983.628	110.335.623	42.560.000	98.859.358.315
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 30/6/2020	98.097.479.064	608.983.628	110.335.623	42.560.000	98.859.358.315
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2020	28.299.022.142	602.656.326	110.335.623	42.560.000	29.054.574.091
Khấu hao trong kỳ	2.444.239.226	-	-	-	2.444.239.226
Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 30/6/2020	30.743.261.368	602.656.326	110.335.623	42.560.000	31.498.813.317
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2020	69.798.456.922	6.327.302	-	-	69.804.784.224
Tại ngày 30/6/2020	67.354.217.696	6.327.302	-	-	67.360.544.998

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 588.879.251 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phản mềm VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>675.311.099</b>	<b>675.311.099</b>
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>675.311.099</b>	<b>675.311.099</b>
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>675.311.099</b>	<b>675.311.099</b>
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>675.311.099</b>	<b>675.311.099</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Tại ngày 30/6/2020	-	-

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 675.311.099 đồng

**5.10. Chi phí trả trước**

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí đền bù DA Trồng mới và chăm sóc cây cao su tại huyện Đông Giang, Quảng Nam (Phân bổ 50 năm)	8.397.005.041	8.539.874.314
Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.397.005.041</b>	<b>8.539.874.314</b>

**5.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000	727.975.000	727.975.000
+ Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	372.575.000	372.575.000	372.575.000	372.575.000
+ Phải trả cho các đối tượng khác	812.747.348	812.747.348	801.697.348	801.697.348
<b>Cộng</b>	<b>1.913.297.348</b>	<b>1.913.297.348</b>	<b>1.902.247.348</b>	<b>1.902.247.348</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh  
Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2020 và  
kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
+ Công ty CP Đầu tư & PT Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam	155.457.170	155.457.170
+ Công ty CP Cơ khí Xây dựng Số 4	132.610.100	132.610.100
+ Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000
+ Các đối tượng khác	343.139.166	343.139.166
<b>Cộng</b>	<b>1.359.181.436</b>	<b>1.359.181.436</b>

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****a) Phải nộp**

	<b>01/01/2020</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>30/6/2020</b>
	VND	VND	VND	VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	420.648.571	-	420.648.571
Các loại thuế khác	-	63.699.071	6.000.000	57.699.071
<b>Cộng (*)</b>	<b>-</b>	<b>484.347.642</b>	<b>6.000.000</b>	<b>478.347.642</b>

(\*) Tại ngày 30/6/2020, Công ty mẹ còn nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 478.347.642 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mẹ mở tại các ngân hàng.

**b) Phải thu**

	<b>01/01/2020</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>30/6/2020</b>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.824.593.206	-	-	2.824.593.206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.231.663	-	-	5.231.663
Thuế thu nhập cá nhân	1.153.725	-	-	1.153.725
Các loại thuế khác	32.083.891	-	-	32.083.891
<b>Cộng</b>	<b>2.863.062.485</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.863.062.485</b>

**5.13. Phải trả khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Phải trả, phải nộp khác các bên liên quan</b>	<b>1.554.074.000</b>	<b>1.145.000.000</b>
Ông Vũ Anh Tuấn	1.554.074.000	1.145.000.000
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>2.392.272.037</b>	<b>2.387.813.392</b>
Các khoản phải trả khác	2.392.272.037	2.387.813.392
<b>Cộng</b>	<b>3.946.346.037</b>	<b>3.532.813.392</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	38.614.215.345	38.227.958.689
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.614.215.345</b>	<b>38.227.958.689</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2019	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.274.049.013.645)	4.525.054.164	256.645.155.403		
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	158.807.620	37.916.466.807	38.075.274.427		
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	(10.658.541.736)	-	(10.658.541.736)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 01/01/2020	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.284.548.747.761)	42.441.520.971	284.061.888.094		
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	3.475.303.028	-	3.475.303.028		
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	(6.005.163.470,00)	(751.054.607,00)	(6.756.218,077)		
Giảm khác	-	-	-	(3.475.303,029)	(3.475.303,029)		
Số dư 30/6/2020	1.500.000.000.000	26.169.114.884	(1.287.078.608.203)	38.215.163.335	277.305.670.016		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>30/6/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
Vốn góp của các cổ đông	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>1.500.000.000.000</b>

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b> VND	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	<b>30/6/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu****đ) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ 01/01/2020 đến 30/6/2020:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	-	6.744.779.636
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.744.779.636</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá đã bán	-	6.677.999.640
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.677.999.640</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.208	47.726
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.208</b>	<b>47.726</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	301.787.675
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	35.180.510.772
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(34.454.839.405)
Chi phí tài chính khác	-	63.826
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.027.522.868</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	197.964.284	265.844.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.444.239.226	2.721.689.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.797.944	521.343.476
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	650.000.000	-
Chi phí khác	155.111.958	9.100.000
<b>Cộng</b>	<b>3.768.113.412</b>	<b>3.517.977.088</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Chi phí nhân công	197.964.284	265.844.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.444.239.226	2.721.689.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.797.944	521.343.476
Chi phí dự phòng	650.000.000	-
Chi phí khác bằng tiền	155.111.958	9.100.000
<b>Cộng</b>	<b>3.768.113.412</b>	<b>3.517.977.088</b>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	386.256.655	584.996.322
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>386.256.655</b>	<b>584.996.322</b>

**6.8. Lãi trên cổ phiếu**

	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
		VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	VND	(6.005.163.470)	(5.023.129.963)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>(6.005.163.470)</b>	<b>(5.023.129.963)</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phần	150.000.000	150.000.000
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	(40)	(33)
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	(40)	(33)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty được tổ chức ngày 22/7/2020 đã thông qua việc thay đổi tên Công ty và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-DHCD/VHG ngày 22/7/2020. Theo đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty trước thay đổi là Ông Vũ Anh Tuấn - Chức danh Tổng Giám đốc; Người đại diện theo pháp luật của Công ty sau thay đổi là Ông Vũ Anh Tuấn - Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/6/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

*Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:*

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND</b>
<b>Mượn tiền</b>		
Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	409.074.000	300.000.000

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt:*

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>01/01/2020 VND</b>
<b>Phải trả khác</b>		
Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.554.074.000	1.145.000.000

*Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác: Không phát sinh*

**7.3 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020, Tập đoàn không phát sinh doanh thu và giá vốn bán hàng hóa.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Tập đoàn cho kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019.

**Người lập biểu**



**NGUYỄN THỊ HẠNH**

**Kế toán trưởng**



**NGUYỄN THỊ HẠNH**

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**VŨ ANH TUẤN**